



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
LÂM ĐỒNG  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014



## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2014	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 33



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các Công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

### **1. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 06 năm 2013.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2014 gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
2	Xí Nghiệp Gạch ngói Tuynel Thanh Mỹ	Nghĩa Lập, Thanh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
3	Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
4	Xí Nghiệp Bê tông Hiệp Lực	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt

### **2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Lương Minh Nhật	Thành viên
Ông Võ Xuân Sơn	Thành viên
Ông Trần Đại Hiền	Thành viên
Ông Lê Xuân Diệp	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hải	Phó Tổng Giám đốc

### **3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các sáu tháng đầu năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

#### 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của sáu tháng đầu năm kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2014

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN AN THÁI**



Số: 15.114/BCSX-DTL

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi tắt là "Tập đoàn") từ trang 04 đến trang 33 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TĂNG QUỐC THẮNG**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán  
số 0075-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**DIỆC LỆ BÌNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán  
số 1714-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính : VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>74.917.210.835</b>	<b>76.693.059.099</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>20.207.248.217</b>	<b>18.024.727.459</b>
1. Tiền	111		5.884.248.217	6.012.727.459
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.323.000.000	12.012.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>5.511.000.000</b>	<b>5.292.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.511.000.000	5.292.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5.3</b>	<b>21.100.127.534</b>	<b>19.213.387.098</b>
1. Phải thu khách hàng	131		24.004.895.806	21.273.042.264
2. Trả trước cho người bán	132		1.132.475.522	2.316.647.050
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		4.857.335.593	4.904.407.839
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(8.894.579.387)	(9.280.710.055)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>27.326.920.744</b>	<b>31.825.780.598</b>
1. Hàng tồn kho	141		28.147.545.165	32.666.623.891
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(820.624.421)	(840.843.293)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>771.914.340</b>	<b>2.337.163.944</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		371.393.500	1.916.114.605
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	29.886.499
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		171.409.240	208.022.989
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		229.111.600	183.139.851

(Phần tiếp theo ở trang 05)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính : VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>74.600.997.451</b>	<b>83.193.259.378</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>71.787.452.612</b>	<b>78.962.190.771</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	70.516.518.802	75.010.988.210
+ Nguyên giá	222		185.786.277.640	181.442.934.949
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.269.758.838)	(106.431.946.739)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	1.270.933.810	1.397.193.397
+ Nguyên giá	228		5.046.243.358	5.046.243.358
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.775.309.548)	(3.649.049.961)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2.554.009.164
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>2.813.544.839</b>	<b>4.231.068.607</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.7	1.958.400.933	3.342.335.428
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		138.927.194	212.651.458
3. Tài sản dài hạn khác	278		716.216.712	676.081.721
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>149.518.208.286</b>	<b>159.886.318.477</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.598.410.729</b>	<b>20.397.114.238</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.528.410.729</b>	<b>20.327.114.238</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.8	5.173.640.923	5.673.165.765
3. Người mua trả tiền trước	313	5.8	1.757.021.354	1.885.954.203
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	1.663.532.050	1.520.244.276
5. Phải trả người lao động	315	5.10	4.659.377.294	8.190.563.076
6. Chi phí phải trả	316	5.11	676.081.721	544.934.191
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	1.548.995.043	1.459.469.922
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.049.762.344	1.052.782.805
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		70.000.000	70.000.000
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>124.825.543.428</b>	<b>131.049.843.096</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.13	<b>124.825.543.428</b>	<b>131.049.843.096</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(4.372.135.515)	(4.372.135.515)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.177.824.315	12.177.824.315
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.705.642.749	3.799.404.539
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.935.645.159	13.066.183.037
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	5.14	<b>8.094.254.129</b>	<b>8.439.361.143</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>149.518.208.286</b>	<b>159.886.318.477</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.060.379.921	3.060.379.921
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		45.413,55	151.372,95
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ NAM ĐỒNG

QUYỀN KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ NAM ĐỒNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN AN THÁI

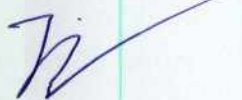
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		97.057.306.361	113.661.018.975
2. Các khoản giảm trừ	02		649.933.736	496.953.468
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	96.407.372.625	113.164.065.507
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	78.974.165.902	78.690.837.222
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.433.206.723	34.473.228.285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	505.950.969	698.753.728
7. Chi phí tài chính	22		5.393.376	7.451.841
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	3.449.747
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	4.411.089.323	4.694.279.741
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	9.812.463.622	11.448.894.100
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.710.211.371	19.021.356.331
11. Thu nhập khác	31	6.6	357.920.072	1.357.463.332
12. Chi phí khác	32	6.7	346.462.912	2.501.040.446
13. Lợi nhuận khác	40		11.457.160	(1.143.577.114)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		3.721.668.531	17.877.779.217
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.8	747.292.383	4.323.348.894
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		73.744.064	7.934.471
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		2.900.632.084	13.546.495.852
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		755.759.181	1.053.082.300
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		2.144.872.903	12.493.413.552
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.13.4	263	1.532

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ NAM ĐỒNG

QUYỀN KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ NAM ĐỒNG

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 08 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.721.668.531	17.877.779.217
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		8.964.071.686	7.617.503.878
Các khoản dự phòng	03		(406.349.540)	(271.540.789)
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(469.583.042)	652.553.462
Chi phí lãi vay	06		-	3.449.747
Điều chỉnh khác			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>11.809.807.635</b>	<b>25.879.745.515</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.007.589.169)	(1.989.001.819)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.519.078.726	(395.987.314)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(5.475.834.290)	(5.359.524.367)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.928.655.600	209.275.873
Tiền lãi vay đã trả	13		-	(3.449.747)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(993.071.077)	(2.629.802.441)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(124.317.993)	(117.954.991)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			<b>11.656.729.432</b>	<b>15.593.300.709</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(812.943.309)	(13.987.232.252)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	993.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(5.511.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.292.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		654.461.735	641.536.763
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(377.481.574)</b>	<b>(12.352.695.489)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.881.680.386
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.881.680.386)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.096.727.100)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(9.096.727.100)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.182.520.758</b>	<b>3.240.605.220</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>18.024.727.459</b>	<b>25.457.505.743</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>20.207.248.217</b>	<b>28.698.110.963</b>

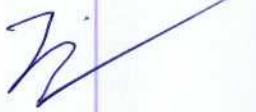
Lâm Đồng, ngày 20 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ NAM ĐỒNG

QUYỀN KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ NAM ĐỒNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN AN THÁI

# CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 06 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 VND.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 91/UBCK-GPNY ngày 30/11/2006. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14/12/2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2014 gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
2	Xí Nghiệp Gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ	Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
3	Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
4	Xí Nghiệp Bê tông Hiệp Lực	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 331 người.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng
- Kinh doanh vận chuyển hàng
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản
- Hoạt động xuất nhập khẩu
- Trồng rừng

#### 1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt	100%	100%
2.	Công ty CP Hiệp Thành	Tam Bó, Di Linh, Lâm Đồng	60,02%	58.48%

# CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2003.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

### 2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, không phát sinh lợi thế thương mại.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

# CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

## 4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

## 4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn

# CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

## 4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

### Sáu tháng đầu năm 2014

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Cây lâu năm và tài sản khác	04 - 07 năm

## 4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại :

- Tại 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt : đã trích hết khấu hao.
- Tại XN Hiệp Tiến: . Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại XN Thạnh Mỹ : quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

### **Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

## 4.8 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## 4.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.
  - + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn



## CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

### 4.10 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

### 4.11 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Tập đoàn đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

### 4.12 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: *theo Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm*
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 4.13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

# CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

## 4.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

## 4.15 Thuế

### ▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp

- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong sáu tháng đầu năm hiện hành là 22%.
- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc sáu tháng đầu năm tài chính.

### ▪ Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- |                    |     |
|--------------------|-----|
| + Thương mại       | 10% |
| + Các dịch vụ khác | 10% |

### ▪ Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn

## 4.16 Công cụ tài chính

### ▪ Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

### ▪ Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	171.331.591	212.513.352
Tiền gửi ngân hàng	5.712.916.626	5.800.214.107
Các khoản tương đương tiền	14.323.000.000	12.012.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.207.248.217</b>	<b>18.024.727.459</b>

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng với lãi suất 7%/năm

**5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	24.004.895.806	21.273.042.264
Trả trước cho người bán	1.132.475.522	2.316.647.050
Các khoản phải thu khác	4.857.335.593	4.904.407.839
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>29.994.706.921</b>	<b>28.494.097.153</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.894.579.387)	(9.280.710.055)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>21.100.127.534</b>	<b>19.213.387.098</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn. Trong đó, phải thu bên liên quan chi tiết như sau – xem mục 8 :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Thủy Lợi Lâm Đồng	1.084.591.000	1.112.971.000
<b>Cộng</b>	<b>1.084.591.000</b>	<b>1.112.971.000</b>

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng mảng xây lắp	4.425.873.866	4.425.873.866
Phải thu tiền vật tư Cty Thủy Lợi LD – xem mục 8	-	7.060.000
Khác	431.461.727	471.473.973
<b>Cộng</b>	<b>4.857.335.593</b>	<b>4.904.407.839</b>

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**5.4. Hàng tồn kho**

	<b>VND</b>	
	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	10.318.890.333	9.997.960.307
Công cụ, dụng cụ	401.665.504	859.558.510
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.753.757.188	2.829.368.950
Thành phẩm	13.261.782.615	17.505.700.447
Hàng hóa	1.411.449.525	1.474.035.677
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>28.147.545.165</b>	<b>32.666.623.891</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(820.624.421)	(840.843.293)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>27.326.920.744</b>	<b>31.825.780.598</b>

*(Phần tiếp theo ở trang 19)*

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 17B Phủ Đồng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu năm	49.223.536.186	103.785.914.678	27.002.137.498	594.326.829	520.611.939	316.407.819	181.442.934.949
Mua trong kỳ	4.181.498.691	97.944.000	-	63.900.000	-	-	4.343.342.691
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>53.405.034.877</u></b>	<b><u>103.883.858.678</u></b>	<b><u>27.002.137.498</u></b>	<b><u>658.226.829</u></b>	<b><u>520.611.939</u></b>	<b><u>316.407.819</u></b>	<b><u>185.786.277.640</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	27.978.515.497	62.300.922.892	15.116.987.588	373.254.848	380.354.133	281.911.781	106.431.946.739
Khấu hao trong kỳ	1.418.088.495	5.630.632.560	1.703.712.761	45.944.830	30.804.367	8.629.086	8.837.812.099
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>29.396.603.992</u></b>	<b><u>67.931.555.452</u></b>	<b><u>16.820.700.349</u></b>	<b><u>419.199.678</u></b>	<b><u>411.158.500</u></b>	<b><u>290.540.867</u></b>	<b><u>115.269.758.838</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu năm	21.245.020.689	41.484.991.786	11.885.149.910	221.071.981	140.257.806	34.496.038	75.010.988.210
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b><u>24.008.430.885</u></b>	<b><u>35.952.303.226</u></b>	<b><u>10.181.437.149</u></b>	<b><u>239.027.151</u></b>	<b><u>109.453.439</u></b>	<b><u>25.866.952</u></b>	<b><u>70.516.518.802</u></b>

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 42.476.126.922 đồng

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Hệ thống QL chất lượng ISO	Quyền sử dụng đất	Chi phí thăm dò hầm mỏ	Phần mềm máy vi tính	VND
					Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	366.551.260	1.634.797.000	2.528.795.098	516.100.000	5.046.243.358
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>366.551.260</b>	<b>1.634.797.000</b>	<b>2.528.795.098</b>	<b>516.100.000</b>	<b>5.046.243.358</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	366.551.260	1.120.786.000	2.056.439.259	105.273.442	3.649.049.961
Khấu hao trong kỳ	-	-	69.362.919	56.896.668	126.259.587
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>366.551.260</b>	<b>1.120.786.000</b>	<b>2.125.802.178</b>	<b>162.170.110</b>	<b>3.775.309.548</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	-	514.011.000	472.355.839	410.826.558	1.397.193.397
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>514.011.000</b>	<b>402.992.920</b>	<b>353.929.890</b>	<b>1.270.933.810</b>

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.968.067.040 đồng

**5.7. Chi phí trả trước dài hạn**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí đền bù để khai thác mỏ	-	640.589.813
Chi phí sửa chữa	1.958.400.933	2.549.804.386
Chi phí bóc tầng phủ	-	151.941.229
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.958.400.933</b>	<b>3.342.335.428</b>

**5.8. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	5.173.640.923	5.673.165.765
Người mua trả tiền trước	1.757.021.354	1.885.954.203
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.930.662.277</b>	<b>7.559.119.968</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	543.670.418	145.681.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	337.847.272	583.625.966
Thuế thu nhập cá nhân	47.803.796	42.583.095
Thuế tài nguyên	93.491.325	278.788.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	601.245.739	379.800.000
Các loại thuế khác	39.473.500	89.765.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.663.532.050</b>	<b>1.520.244.276</b>

**5.10. Phải trả người lao động**

Là khoản lương còn phải trả cho người lao động.

**5.11. Chi phí phải trả**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí hoàn nguyên	676.081.721	487.496.491
Chi phí phải trả khác	-	57.437.700
<b>Tổng cộng</b>	<b>676.081.721</b>	<b>544.934.191</b>

**5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	190.105.504	175.485.235
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	16.584.042	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.342.305.497	1.283.984.687
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.548.995.043</b>	<b>1.459.469.922</b>

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 17B Phủ Đồng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**5.13. Vốn chủ sở hữu****5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND					
	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc chủ sở hữu	LN sau thuế chưa PP	Cộng
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	14.536.430.250	4.836.432.078	121.379.293.533
LN trong năm trước	-	-	-	-	17.724.584.666	17.724.584.666
Trích quỹ	-	-	-	1.440.798.604	(1.501.560.807)	(60.762.203)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.993.272.900)	(7.993.272.900)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>21.378.566.720</b>	<b>(4.372.135.515)</b>	<b>15.977.228.854</b>	<b>13.066.183.037</b>	<b>131.049.843.096</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.144.872.903	2.144.872.903
Trích quỹ	-	-	-	906.238.210	(906.238.210)	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(47.445.471)	(47.445.471)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.321.727.100)	(8.321.727.100)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>21.378.566.720</b>	<b>(4.372.135.515)</b>	<b>16.883.467.064</b>	<b>5.935.645.159</b>	<b>124.825.543.428</b>



**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Số cổ phần	Số vốn góp	Tỷ lệ
Tổ chức trong nước	5.188.658	51.886.580.000	61,04%
Tổ chức nước ngoài	24.800	248.000.000	0,29%
Cá nhân trong nước	3.202.587	32.025.870.000	37,68%
Cá nhân nước ngoài	83.955	839.550.000	0,99%
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.500.000</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>100.00%</b>

**5.13.3. Cổ phần**

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.500.000	8.333.500
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(342.500)	(176.000)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.157.500	8.157.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

**5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	2.144.872.903	12.493.413.552
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	8.157.500	8.157.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>263</b>	<b>1.532</b>

**5.14. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	8.439.361.143	9.192.440.695
Biến động lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	(1.100.866.195)	(1.569.025.129)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	755.759.181	1.053.082.300
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.094.254.129</b>	<b>8.676.497.866</b>

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bentonite và giao khoán mỏ	348.878.159	1.433.403.794
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt	17.365.042.319	13.744.921.171
Doanh thu gạch	11.268.554.273	28.729.866.818
Doanh thu cao lanh	33.343.306.340	20.325.495.179
Doanh thu bê tông	34.081.591.534	48.930.378.545
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>96.407.372.625</b>	<b>113.164.065.507</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bentonite và giao khoán mỏ	1.337.433.737	632.414.894
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt	12.987.783.569	11.128.118.988
Giá vốn gạch	9.266.913.049	22.156.499.479
Giá vốn cao lanh	29.715.767.168	14.180.214.091
Giá vốn bê tông	25.666.268.379	30.593.589.770
<b>Cộng</b>	<b>78.974.165.902</b>	<b>78.690.837.222</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	469.583.042	641.536.763
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.079.307	57.162.815
Khác	1.288.620	54.150
<b>Tổng cộng</b>	<b>505.950.969</b>	<b>698.753.728</b>

**6.4. Chi phí bán hàng**

VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.122.630.422	1.345.250.881
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	1.171.193.458	1.450.550.900
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.164.663.655	739.143.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	803.204.125	699.018.959
Chi phí bằng tiền khác	149.397.663	460.315.308
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.411.089.323</b>	<b>4.694.279.741</b>

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	6.186.661.695	8.318.166.809
Chi phí vật liệu, bao bì	878.863.001	663.155.198
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	480.309.656	231.424.605
Chi phí khấu hao	514.298.411	500.058.392
Chi phí dự phòng	(386.130.668)	(271.540.789)
Thuế, phí và lệ phí	519.223.207	452.086.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	318.971.107	370.899.929
Chi phí bằng tiền khác	1.300.267.213	1.184.643.631
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.812.463.622</b>	<b>11.448.894.100</b>

**6.6. Thu nhập khác**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Xử lý hàng tồn kho	-	193.888.121
Xử lý công nợ	17.907	46.594.080
Bán phế liệu	57.781.164	11.091.918
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.007.934.637
Thu nhập khác	300.121.001	97.954.576
<b>Tổng cộng</b>	<b>357.920.072</b>	<b>1.357.463.332</b>

**6.7. Chi phí khác**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý TSCD	-	3.030.135.280
Phạt thuế	50.000.000	-
Tháo dỡ nhà cấp liệu	-	-
Chi phí khác	296.462.912	1.687.384.357
<b>Tổng cộng</b>	<b>346.462.912</b>	<b>4.717.519.637</b>

**6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	3.721.668.531	17.877.779.217
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	790.115.029	2.315.873.683
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.115.000.000)	(2.292.621.566)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.396.783.560	17.901.031.334

## CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Trong đó :

Thu nhập chịu thuế suất 20%	-	108.887.452
Thu nhập chịu thuế suất 22%	3.396.783.560	
Thu nhập chịu thuế suất 25%	-	17.792.143.882
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	747.292.383	4.469.813.461
Trừ thuế TNDN được miễn giảm	-	(146.464.567)
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>747.292.383</b>	<b>4.323.348.894</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: chi phí không hợp lý, hợp lệ; lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho khi hợp nhất

### 6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	18.885.232.665	22.090.335.979
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.756.988.286	52.548.574.290
Chi phí công cụ, đồ dùng	3.114.953.797	1.799.265.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.418.536.579	7.954.588.381
Chi phí dự phòng	(197.545.438)	(271.540.789)
Thuế, phí, lệ phí	2.716.682.162	3.478.882.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.899.648.193	7.021.685.693
Chi phí khác bằng tiền	3.955.078.890	2.720.711.865
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.549.575.135</b>	<b>97.342.503.350</b>

### 7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trong nước và nước ngoài phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như :

- Kinh doanh vật liệu xây dựng; giao khoán và khai thác mỏ
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa
- Khai thác và chế biến cao lanh
- Khai thác đá và sản xuất bê tông chịu lực
- Sản xuất gạch Tuynel
- Dịch vụ vận chuyển, bơm bê tông

# CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phủ Đồng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho sáu tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 :

VND

	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	Gốm sứ chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Đá, Bê tông	Cộng	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	6.072.375.438	17.365.042.319	30.687.675.100	13.924.185.513	45.009.733.643	113.059.012.013	(16.651.639.388)	96.407.372.625
GVHB	7.994.749.420	12.967.564.697	25.402.435.054	13.580.245.163	35.997.071.856	95.942.066.190	(16.967.900.288)	78.974.165.902
Lãi gộp	(1.922.373.982)	4.397.477.622	5.285.240.046	343.940.350	9.012.661.787	17.116.945.823	316.260.900	17.433.206.723
Chi phí bán hàng	13.930.000	782.443.520	508.672.894	313.531.703	2.792.511.206	4.411.089.323		4.411.089.323
Chi phí QLDN	625.330.514	1.776.453.273	2.362.152.200	1.879.867.434	3.185.326.868	9.829.130.289	(16.666.667)	9.812.463.622
<b>Lợi nhuận từ HD bán hàng</b>	<b>(2.561.634.496)</b>	<b>1.838.580.829</b>	<b>2.414.414.952</b>	<b>(1.849.458.787)</b>	<b>3.034.823.713</b>	<b>2.876.726.211</b>	<b>332.927.567</b>	<b>3.209.653.778</b>
Doanh thu tài chính	1.399.329.700	-	220.640.341	345.930	634.998	1.620.950.969	(1.115.000.000)	505.950.969
Chi phí tài chính	5.325.648	-	-	67.728	-	5.393.376	-	5.393.376
<b>Lợi nhuận từ HD tài chính</b>	<b>1.394.004.052</b>	<b>-</b>	<b>220.640.341</b>	<b>278.202</b>	<b>634.998</b>	<b>1.615.557.593</b>	<b>(1.115.000.000)</b>	<b>500.557.593</b>
Thu nhập khác	13.130.000	1	76.493.045	5.024.002	165.004.095	259.651.143	98.268.929	357.920.072
Chi phí khác	209.549.457	4	71.111.191	3.651.330	62.150.930	346.462.912		346.462.912
<b>Lợi nhuận từ HD khác</b>	<b>(196.419.457)</b>	<b>(3)</b>	<b>5.381.854</b>	<b>1.372.672</b>	<b>102.853.165</b>	<b>(86.811.769)</b>	<b>98.268.929</b>	<b>11.457.160</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(1.364.049.901)</b>	<b>1.838.580.826</b>	<b>2.640.437.147</b>	<b>(1.847.807.913)</b>	<b>3.138.311.876</b>	<b>4.405.472.035</b>	<b>(683.803.504)</b>	<b>3.721.668.531</b>
Chi phí thuế TNDN								747.292.383
Chi phí thuế hoãn lại								73.744.064
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>								<b>2.900.632.084</b>
Lợi ích CDTS								755.759.181
<b>Lợi ích của cổ đông công ty mẹ</b>								<b>2.144.872.903</b>

# CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phủ Đồng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 :

VND

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Cộng
Doanh thu	93.670.928.649	19.388.083.364	(16.651.639.388)	96.407.372.625
GVHB	80.483.744.921	15.458.321.269	(16.967.900.288)	78.974.165.902
Chi phí bán hàng	3.690.001.408	721.087.915	-	4.411.089.323
Chi phí QLDN	8.227.711.786	1.601.418.503	(16.666.667)	9.812.463.622
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác</b>	<b>1.269.470.533</b>	<b>1.607.255.678</b>	<b>332.927.567</b>	<b>3.209.653.778</b>
Thu nhập tài chính				505.950.969
Chi phí tài chính				5.393.376
Thu nhập khác				357.920.072
Chi phí khác				346.462.912
Thuế TNDN				747.292.383
Thuế TNDN hoãn lại				73.744.064
Lợi ích của cổ đông thiểu số				755.759.181
<b>Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ</b>				<b>2.144.872.903</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Cộng
Tài sản bộ phận	169.613.394.304	303.132.306	(20.537.245.518)	149.379.281.092
Tài sản không phân bổ	-	-	138.927.194	138.927.194
<b>Tổng tài sản</b>	<b>169.613.394.304</b>	<b>303.132.306</b>	<b>(20.398.318.324)</b>	<b>149.518.208.286</b>
Nợ phải trả bộ phận	23.680.976.954	214.309.179	(7.366.875.404)	16.528.410.729
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>23.680.976.954</b>	<b>214.309.179</b>	<b>(7.366.875.404)</b>	<b>16.528.410.729</b>

# CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phủ Đồng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 :

VND

	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	Gốm sứ chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Đá, Bê tông	DV vận chuyển	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	3.467.634.362	13.744.921.171	28.729.866.818	24.148.951.892	54.279.574.024	4.527.607.001	(15.734.489.761)	113.164.065.507
GVHB	2.109.954.292	11.310.483.674	22.522.167.911	17.954.745.616	37.187.127.925	3.576.793.423	(15.970.435.619)	78.690.837.222
Lãi gộp	1.357.680.070	2.434.437.497	6.207.698.907	6.194.206.276	17.092.446.099	950.813.578	235.945.858	34.473.228.285
Chi phí bán hàng	174.703.236	578.310.863	304.501.553	578.718.600	2.818.108.691	239.936.799	-	4.694.279.741
Chi phí QLDN	833.776.411	2.000.002.931	2.756.150.639	2.391.828.117	3.244.633.755	239.168.914	(16.666.667)	11.448.894.100
Lợi nhuận từ HD bán hàng	<b>349.200.423</b>	<b>(143.876.297)</b>	<b>3.147.046.715</b>	<b>3.223.659.559</b>	<b>11.029.703.653</b>	<b>471.707.866</b>	<b>252.612.525</b>	<b>18.330.054.444</b>
Doanh thu tài chính	2.667.636.452	187.209	321.858.469	435.622	751.917	505.625	(2.292.621.566)	698.753.728
Chi phí tài chính	6.781.352	668.592	-	1.897	-	-	-	7.451.841
Lợi nhuận từ HD tài chính	<b>2.660.855.100</b>	<b>(481.383)</b>	<b>321.858.469</b>	<b>433.725</b>	<b>751.917</b>	<b>505.625</b>	<b>(2.292.621.566)</b>	<b>691.301.887</b>
Thu nhập khác	2.795.482.502	184.833.308	157.799.374	117.325.701	401.961.538	-	(2.299.939.091)	1.357.463.332
Chi phí khác	2.553.491.969	975.386.590	29.333.339	1.242.767.639	-	-	(2.299.939.091)	2.501.040.446
Lợi nhuận từ HD khác	<b>241.990.533</b>	<b>(790.553.282)</b>	<b>128.466.035</b>	<b>(1.125.441.938)</b>	<b>401.961.538</b>	-	-	<b>(1.143.577.114)</b>
Lợi nhuận trước thuế	<b>3.252.046.056</b>	<b>(934.910.962)</b>	<b>3.597.371.219</b>	<b>2.098.651.346</b>	<b>11.432.417.108</b>	<b>472.213.490</b>	<b>(2.040.009.041)</b>	<b>17.877.779.217</b>
Chi phí thuế TNDN								4.323.348.894
Thuế TNDN hoãn lại								7.934.471
Lợi nhuận sau thuế								13.546.495.852
Lợi ích cổ đông thiểu số								1.053.082.300
<b>Lợi ích của cổ đông công ty mẹ</b>								<b>12.493.413.552</b>

# CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phủ Đồng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 :

VND

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Cộng
Doanh thu	113.284.196.606	15.614.358.662	(15.734.489.761)	113.164.065.507
GVHB	83.670.432.244	10.990.840.597	(15.970.435.619)	78.690.837.222
Chi phí bán hàng	3.911.835.488	782.444.253	-	4.694.279.741
Chi phí QLDN	8.527.138.808	2.938.421.959	(16.666.667)	11.448.894.100
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác</b>	<b>17.174.790.066</b>	<b>902.651.853</b>	<b>252.612.525</b>	<b>18.330.054.444</b>
Thu nhập tài chính				698.753.728
Chi phí tài chính				7.451.841
Thu nhập khác				1.357.463.332
Chi phí khác				2.501.040.446
Thuế TNDN				4.331.283.365
Lợi ích của cổ đông thiểu số				1.053.082.300
<b>Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ</b>				<b><u>12.493.413.552</u></b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Cộng
Tài sản bộ phận	185.135.786.241	297.151.728	(19.981.464.282)	165.451.473.687
Tài sản không phân bổ	55.216.160	-	242.185.978	297.402.138
<b>Tổng tài sản</b>	<b><u>185.191.002.401</u></b>	<b><u>297.151.728</u></b>	<b><u>(19.739.278.304)</u></b>	<b><u>165.748.875.825</u></b>
Nợ phải trả bộ phận	33.214.316.754	569.046.870	(6.504.577.879)	27.278.785.745
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b><u>33.214.316.754</u></b>	<b><u>569.046.870</u></b>	<b><u>(6.504.577.879)</u></b>	<b><u>27.278.785.745</u></b>



# CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

## 8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn

Tên công ty Mối quan hệ

1. Công ty CP Thủy Lợi Lâm Đồng Công ty mẹ

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.3	1.084.591.000	1.120.031.000

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng	623.740.500	632.525.634
Bán TSCD	-	272.727.273
Mua hàng	-	3.233.636.364

- Thù lao Hội đồng quản trị, thù lao Ban kiểm soát và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị công ty mẹ	444.000.000	266.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc của công ty mẹ	482.573.112	453.039.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>926.573.112</b>	<b>719.039.000</b>

## 9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.207.248.217	18.024.727.459
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.536.190.285	16.418.206.075
Đầu tư ngắn hạn	5.511.000.000	5.292.000.000
Tài sản dài hạn khác	716.216.712	676.081.721
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.970.655.214</b>	<b>40.411.015.255</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả nhà cung cấp	5.173.640.923	5.673.165.765
Chi phí phải trả	676.081.721	544.934.191
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.849.722.644</b>	<b>6.218.099.956</b>

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	-	-	60.730,98	167.116,92

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ

# CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp	5.173.640.923	-	5.173.640.923
Chi phí phải trả	676.081.721	-	676.081.721
<b>Cộng</b>	<b>5.849.722.644</b>	<b>-</b>	<b>5.849.722.644</b>

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp	5.673.165.765	-	5.673.165.765
Chi phí phải trả	544.934.191	-	544.934.191
<b>Cộng</b>	<b>6.218.099.956</b>	<b>-</b>	<b>6.218.099.956</b>

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.110.316.419	4.425.873.866	19.536.190.285
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.992.332.209	4.425.873.866	16.418.206.075

## 10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

## 11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho sáu tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 08 năm 2014

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ NAM ĐỒNG

QUYỀN KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ NAM ĐỒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI